

# **Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP**

Báo cáo tài chính tổng hợp

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



# Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

Báo cáo tài chính tổng hợp

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



# Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán tổng hợp	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp	11 - 44

# Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP (“Tổng Công ty”) được chuyển đổi từ hình thức công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu sang công ty cổ phần từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100109385 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 6 được cấp vào ngày 4 tháng 7 năm 2023.

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty trong năm hiện tại được trình bày tại Thuyết minh số 1 của báo cáo tài chính tổng hợp – Thông tin về Tổng Công ty.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 12 Ngô Tất Tố, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Tổng Công ty	12 Ngô Tất Tố, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội
Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Khoa học Công nghệ Dược	160 phố Tôn Đức Thắng, quận Đống Đa, Hà Nội
Văn phòng đại diện Tổng Công ty Dược Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh	126A phố Trần Quốc Thảo, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
Trung tâm Dịch vụ Thương mại Dược mỹ phẩm - Vinapharm	12 Ngô Tất Tố, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đinh Xuân Hán	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2023
	Thành viên	Đến ngày 30 tháng 6 năm 2023
Ông Lê Văn Sơn	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2023
Ông Trần Đức Hùng	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2023
Bà Hàn Thị Khánh Vinh	Thành viên	
Bà Nguyễn Hồng Nhung	Thành viên	
Bà Phạm Thị Xuân Hương	Thành viên	
Ông Trần Văn Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2023

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Khải	Trưởng Ban	
Bà Ngô Thị Bích Thảo	Thành viên	
Bà Hoàng Diệu Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2023
Bà Kiều Thị Minh Hồng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2023
Ông Trần Văn Hải	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2023

### BỘ PHẬN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Các thành viên Bộ phận Kiểm toán nội bộ trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thùy Dung	Trưởng Bộ phận	
Bà Nguyễn Thị Thủy	Phó Trưởng Bộ phận	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2024
	Thành viên	Đến ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ông Phí Ngọc Tú	Thành viên	

# Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Hàn Thị Khánh Vinh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2023
	Phó Tổng Giám đốc	Đến ngày 30 tháng 6 năm 2023
Ông Đinh Xuân Hán	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2023

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty đến ngày 3 tháng 7 năm 2023 là Ông Lê Văn Sơn và từ ngày 4 tháng 7 năm 2023 đến ngày lập báo cáo này là Bà Hàn Thị Khánh Vinh.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội là công ty kiểm toán cho Tổng Công ty.

# Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính tổng hợp cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp; và
- ▶ lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp của Tổng Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Tổng Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp. Tổng Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC – Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Tổng Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (“báo cáo tài chính hợp nhất”) đề ngày 28 tháng 3 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Hàn Thị Khánh Vinh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

Số tham chiếu: 12315195/66923502

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông của Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP ("Tổng Công ty") được lập ngày 28 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 44, bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội**



Bùi Anh Tuấn  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1067-2023-004-1

Lê Minh Tùng  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4656-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP  
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>957.382.338.101</b>	<b>666.071.555.823</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>2.692.714.995</b>	<b>7.478.832.734</b>
111	1. Tiền		2.692.714.995	7.478.832.734
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>923.200.000.000</b>	<b>634.500.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	923.200.000.000	634.500.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>23.544.935.624</b>	<b>17.998.268.974</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	571.494.602	2.454.531.744
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	1.021.945.099	990.088.359
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	22.721.722.443	18.514.450.849
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.3, 8	(770.226.520)	(3.960.801.978)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>3.105.354.791</b>	<b>2.035.176.199</b>
141	1. Hàng tồn kho		10.481.233.248	4.134.696.348
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(7.375.878.457)	(2.099.520.149)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>4.839.332.691</b>	<b>4.059.277.916</b>
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		3.576.930.124	2.796.875.349
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	1.262.402.567	1.262.402.567
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.810.368.569.779</b>	<b>1.878.267.949.717</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		-	<b>30.785.628</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác		-	30.785.628
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>18.844.693.979</b>	<b>23.178.254.319</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	18.595.505.269	22.840.865.609
222	Nguyên giá		79.279.300.084	77.198.705.075
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(60.683.794.815)	(54.357.839.466)
227	2. Tài sản cố định vô hình		249.188.710	337.388.710
228	Nguyên giá		441.000.000	441.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(191.811.290)	(103.611.290)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>11</b>	<b>48.454.214.452</b>	<b>49.859.350.591</b>
231	1. Nguyên giá		54.127.793.109	56.105.443.119
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(5.673.578.657)	(6.246.092.528)
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>1.741.619.237.030</b>	<b>1.804.868.987.799</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		286.193.148.150	286.193.148.150
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		773.277.412.428	817.976.816.428
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		808.840.772.653	800.767.772.653
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(126.692.096.201)	(100.068.749.432)
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.450.424.318</b>	<b>330.571.380</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		1.450.424.318	330.571.380
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.767.750.907.880</b>	<b>2.544.339.505.540</b>

118  
 CÔNG  
 TÂN  
 SỬ &  
 HIỆT  
 HI N  
 HÀ  
 KIÊN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>26.590.173.854</b>	<b>22.303.744.013</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>26.098.173.854</b>	<b>21.775.295.402</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13.1	514.970.932	576.448.008
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.2	4.693.720.000	4.148.140.940
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	77.451.187	32.707.420
314	4. Phải trả người lao động		6.081.259.050	3.883.758.757
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	2.694.722.062	2.598.646.468
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		2.783.656.025	2.560.616.818
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	16	1.596.685.084	1.318.108.606
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	7.655.709.514	6.656.868.385
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>492.000.000</b>	<b>528.448.611</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác		492.000.000	528.448.611
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>2.741.160.734.026</b>	<b>2.522.035.761.527</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>2.741.160.734.026</b>	<b>2.522.035.761.527</b>
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		2.370.000.000.000	2.370.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.370.000.000.000	2.370.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		134.960.184.483	126.686.285.615
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		236.200.549.543	25.349.475.912
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		17.075.577.044	665.867.970
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		219.124.972.499	24.683.607.942
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.767.750.907.880</b>	<b>2.544.339.505.540</b>

Nguyễn Thị Hằng  
Người lập

Lữ Thị Khánh Trân  
Kế toán trưởng



Hàn Thị Khánh Vinh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	13.443.578.355	18.430.339.895
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	13.443.578.355	18.430.339.895
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	(18.080.601.906)	(18.860.968.549)
20	5. Lỗ gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(4.637.023.551)	(430.628.654)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	294.025.329.757	156.604.876.764
22	7. Chi phí tài chính	22	(26.638.853.819)	(91.750.174.809)
25	8. Chi phí bán hàng	23	(3.576.237.795)	(2.426.973.144)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(36.432.421.134)	(34.531.191.136)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		222.740.793.458	27.465.909.021
31	11. Thu nhập khác		70.302.150	113.753.871
32	12. Chi phí khác		(11.017.335)	-
40	13. Lợi nhuận khác		59.284.815	113.753.871
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		222.800.078.273	27.579.662.892
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	-	-
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		222.800.078.273	27.579.662.892

Nguyễn Thị Hằng  
Người lập

Lữ Thị Khánh Trân  
Kế toán trưởng



Hàn Thị Khánh Vinh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>222.800.078.273</b>	<b>27.579.662.892</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình		5.884.556.871	5.971.688.081
03	Các khoản dự phòng		28.709.129.619	87.091.392.852
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(9.670.657)	1.938.660
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(293.244.312.662)	(156.607.563.351)
<b>08</b>	<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(35.860.218.556)</b>	<b>(35.962.880.866)</b>
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(820.522.451)	4.666.323.102
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(6.346.536.900)	2.219.486.517
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		3.336.245.260	(2.968.528.763)
12	Tăng chi phí trả trước		(1.119.852.938)	(82.958.846)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.676.264.645)	(2.762.841.418)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(43.487.150.230)</b>	<b>(34.891.400.274)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(219.309.729)	(853.533.818)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		17.034.000	19.000.000
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(690.000.000.000)	(359.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác		401.300.000.000	397.500.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(8.073.000.000)	(21.890.930.344)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		44.699.404.000	89.945.301.118
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		290.968.943.563	160.519.927.913
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>38.693.071.834</b>	<b>266.239.764.869</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
36	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b> Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	18.3	(1.710.000)	(300.954.227.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		<b>(1.710.000)</b>	<b>(300.954.227.000)</b>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		<b>(4.795.788.396)</b>	<b>(69.605.862.405)</b>
60	Tiền đầu năm		<b>7.478.832.734</b>	<b>77.086.633.799</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		9.670.657	(1.938.660)
70	Tiền cuối năm	4	<b>2.692.714.995</b>	<b>7.478.832.734</b>

Nguyễn Thị Hằng  
Người lập

Lữ Thị Khánh Trân  
Kế toán trưởng



Hàn Thị Khánh Vinh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2024



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP ("Tổng Công ty") được chuyển đổi từ hình thức công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu sang công ty cổ phần từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100109385 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 6 được cấp vào ngày 4 tháng 7 năm 2023.

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty bao gồm:

- ▶ Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh (trừ các loại mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người);
- ▶ Sản xuất thuốc, hóa dược, dược liệu;
- ▶ Dịch vụ bảo quản thuốc, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, xuất nhập khẩu các mặt hàng Tổng Công ty kinh doanh; dịch vụ kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng;
- ▶ Dịch vụ chuyển giao công nghệ;
- ▶ Sản xuất thực phẩm chức năng, phụ gia thực phẩm, chất diệt khuẩn, khử trùng cho người;
- ▶ Kinh doanh hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- ▶ Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh (trừ các loại mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người);
- ▶ Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- ▶ Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá);
- ▶ In ấn và dịch vụ liên quan đến in;
- ▶ Giáo dục nghề nghiệp;
- ▶ Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô; kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;
- ▶ Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
- ▶ Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa; và
- ▶ Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 12 Ngô Tất Tố, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Tổng Công ty	12 Ngô Tất Tố, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội
Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Khoa học Công nghệ Dược	160 phố Tôn Đức Thắng, quận Đống Đa, Hà Nội
Văn phòng đại diện Tổng Công ty Dược Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh	126A phố Trần Quốc Thảo, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
Trung tâm Dịch vụ Thương mại Dược mỹ phẩm - Vinapharm	12 Ngô Tất Tố, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

Số lượng người lao động và người quản lý của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 68 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 68 người).

# Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN VỀ TỔNG CÔNG TY (tiếp theo)

### Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty có 4 công ty con (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 4 công ty con). Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
				Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu và lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết và lợi ích
1	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Số 87, phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội	Bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.	65,41%	65,41%	65,41%	65,41%
2	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Số 509 – 515 Tô Hiến Thành, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh xuất nhập khẩu dược phẩm, dụng cụ, thiết bị y tế, mỹ phẩm.	66,35%	66,57%	66,57%	66,57%
3	Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3	Số 115, đường Ngô Gia Tự, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	Sản xuất kinh doanh dược phẩm, bao bì dược, thực phẩm bổ dưỡng, máy móc, thiết bị y tế, chế biến dược liệu.	65,00%	66,81%	66,81%	66,81%
4	Công ty TNHH Dược phẩm Codupha-Lào (*)	Số 253, đường Vieng Chaluen, quận Saysetta, Thủ đô Vientiane, Lào	Sản xuất và kinh doanh dược phẩm.	62,17%	93,70%	62,38%	93,70%

(\*) Tổng Công ty gián tiếp nắm giữ lợi ích và quyền biểu quyết tại đơn vị này thông qua Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP là công ty mẹ và có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 12. Tổng Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC – Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Tổng Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (“báo cáo tài chính hợp nhất”) để ngày 28 tháng 3 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp cần đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con.

### 2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tổng Công ty là Nhật ký chung.

### 2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### 2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tổng Công ty là VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

#### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu và hàng hóa - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang - Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tổng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến hoặc theo giá trị định giá lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa Tổng Công ty.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

**3.5 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Tổng Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Tổng Công ty là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán tổng hợp. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo, thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	9 - 25 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 5 năm
Phương tiện vận tải	4 - 8 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm

**3.8 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Tổng Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa	9 - 46 năm
---------	------------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán tổng hợp sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.10 Các khoản đầu tư

##### *Đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc, hoặc theo giá trị định giá lại tại thời điểm Tổng Công ty chính thức được chuyển đổi sang công ty cổ phần.

Các khoản cổ tức/phân phối từ lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc sau ngày Tổng Công ty chính thức được chuyển đổi sang công ty cổ phần (ngày 8 tháng 12 năm 2016) được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác, bao gồm các khoản phân phối mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con phát sinh trước ngày Tổng Công ty chính thức được chuyển đổi sang công ty cổ phần, được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

##### *Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc, hoặc theo giá trị định giá lại tại thời điểm Tổng Công ty chính thức được chuyển đổi sang công ty cổ phần.

Các khoản cổ tức/phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể hoặc sau ngày Tổng Công ty chính thức được chuyển đổi sang công ty cổ phần được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác, bao gồm các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết phát sinh trước ngày Tổng Công ty chính thức được chuyển đổi sang công ty cổ phần, được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi giảm vào giá trị đầu tư.

##### *Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc, hoặc theo giá trị định giá lại tại thời điểm Tổng Công ty chính thức được chuyển đổi sang công ty cổ phần.

Các khoản cổ tức/phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các đơn vị khác sau ngày Tổng Công ty chính thức được chuyển đổi sang công ty cổ phần được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của Tổng Công ty. Các khoản cổ tức hoặc lợi nhuận được chia từ số lợi nhuận lũy kế của các đơn vị khác phát sinh trước ngày Tổng Công ty chính thức được chuyển đổi sang công ty cổ phần được ghi giảm vào giá trị đầu tư.

##### *Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

##### *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### 3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tổng Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

**3.13 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán tổng hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu cho thuê văn phòng*

Doanh thu từ cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tổng Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**3.15 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản góp vốn liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

102-  
IG T  
NH  
& Y  
T N.  
NH  
À N  
EM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tổng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.16 Thông tin theo bộ phận**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty là sản xuất và kinh doanh dược phẩm và quản lý các khoản đầu tư vào các công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh dược phẩm. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tổng Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Tổng Công ty sản xuất ra hoặc do Tổng Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Tổng Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý và Tổng Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**3.17 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4. TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	913.656.583	4.814.308.879
Tiền gửi ngân hàng	1.779.058.412	2.664.523.855
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.692.714.995</b>	<b>7.478.832.734</b>

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc 6 tháng và hưởng lãi suất theo từng hợp đồng tiền gửi.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu từ khách hàng		
- Công ty TNHH Phúc Lâm	328.595.827	328.595.827
- Công ty TNHH Dược phẩm Huy Cường	120.416.427	-
- Quầy anh Hoàng Văn Lộ	112.010.694	112.010.694
- Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam	-	666.880.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	9.719.999	1.003.605.223
Phải thu từ các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 26</i> )	751.655	343.440.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>571.494.602</b>	<b>2.454.531.744</b>
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(450.326.520)	(450.326.521)

**6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty Cổ phần xây dựng Phú Đại Thành	318.181.753	18.162.300
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Ứng dụng Toàn cầu	310.810.500	-
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Kỹ thuật Quốc tế	-	675.442.741
Công ty Cổ phần Tư vấn Macconsult	-	172.000.000
Các khoản trả trước khác	392.952.846	124.483.318
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.021.945.099</b>	<b>990.088.359</b>

**6.3 Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	3.960.801.978	8.679.441.217
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	-	2.916.000
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(3.190.575.458)	(4.721.555.239)
Số cuối năm	<b>770.226.520</b>	<b>3.960.801.978</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
Phải thu lãi tiền gửi	17.215.186.301	-	14.368.330.410	-
Phải thu về cổ tức	2.630.106.000	-	-	-
Phải thu các khoản tạm ứng	2.047.117.729	-	195.000.000	-
Phải thu lợi nhuận hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	-	3.190.575.457	(3.190.575.457)
Phải thu ngắn hạn khác	829.312.413	(319.900.000)	760.544.982	(319.900.000)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>22.721.722.443</b>	<b>(319.900.000)</b>	<b>18.514.450.849</b>	<b>(3.510.475.457)</b>

**8. NỢ XẤU**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	-	-	3.190.575.457	-
Các khách hàng khác	770.226.520	-	770.226.521	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>770.226.520</b>	<b>-</b>	<b>3.960.801.978</b>	<b>-</b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Nguyên liệu, vật liệu	499.550.614	-	484.545.759	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.590.578.806	(6.776.270.902)	2.569.403.690	(1.499.637.582)
Hàng hóa	1.391.103.828	(599.607.555)	1.080.746.899	(599.882.567)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.481.233.248</b>	<b>(7.375.878.457)</b>	<b>4.134.696.348</b>	<b>(2.099.520.149)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định dùng cho quân lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					
Số dư đầu năm	45.396.323.960	23.310.864.319	6.090.190.789	2.401.326.007	77.198.705.075
- Mua trong năm	-	-	-	120.274.748	120.274.748
- Phân loại lại từ bất động sản đầu tư	2.051.484.991	-	-	-	2.051.484.991
- Tăng, giảm khác	(26.291.062)	-	-	4.544.514	(21.746.548)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(69.418.182)	(69.418.182)
Số dư cuối năm	47.421.517.889	23.310.864.319	6.090.190.789	2.456.727.087	79.279.300.084
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	97.168.128	88.400.000	2.862.898.462	1.369.704.095	4.418.170.685
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>					
Số dư đầu năm	30.332.810.370	17.809.277.443	4.745.397.968	1.470.353.685	54.357.839.466
- Khấu hao trong năm	1.599.225.981	2.352.689.172	422.267.064	245.797.582	4.619.979.799
- Phân loại lại từ bất động sản đầu tư	1.748.890.943	-	-	-	1.748.890.943
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(42.915.393)	(42.915.393)
Số dư cuối năm	33.680.927.294	20.161.966.615	5.167.665.032	1.673.235.874	60.683.794.815
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số dư đầu năm	15.063.513.590	5.501.586.876	1.344.792.821	930.972.322	22.840.865.609
Số dư cuối năm	13.740.590.595	3.148.897.704	922.525.757	783.491.213	18.595.505.269

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

*Đơn vị tính: VND*

*Nhà cửa, vật kiến trúc*

**Nguyên giá:**

Số đầu năm	56.105.443.119
- Tăng khác	73.834.981
- Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(2.051.484.991)
Số cuối năm	<u>54.127.793.109</u>

*Trong đó:*

*Đã khấu hao hết* -

**Giá trị hao mòn lũy kế:**

Số đầu năm	6.246.092.528
- Khấu hao trong năm	1.176.377.072
- Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.748.890.943)
Số cuối năm	<u>5.673.578.657</u>

**Giá trị còn lại:**

Số đầu năm	<u>49.859.350.591</u>
Số cuối năm	<u>48.454.214.452</u>

Bất động sản đầu tư của Tổng Công ty chủ yếu là diện tích sàn văn phòng và các căn hộ chung cư của Dự án Tổ hợp Thương mại, Văn phòng và Nhà ở chung cư cao cấp PVV – Vinapharm hiện đang được sử dụng để cho thuê.

Tổng Công ty chưa thu thập được các thông tin cần thiết để xác định và thuyết minh giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này.

**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư vào công ty con ( <i>Thuyết minh số 12.1</i> )	286.193.148.150	286.193.148.150
Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết ( <i>Thuyết minh số 12.2</i> )	773.277.412.428	817.976.816.428
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác ( <i>Thuyết minh số 12.3</i> )	808.840.772.653	800.767.772.653
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(126.692.096.201)	(100.068.749.432)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.741.619.237.030</u></b>	<b><u>1.804.868.987.799</u></b>

# Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

### 12.1. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	138.997.108.326	-	472.021.320.000	138.997.108.326	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	123.241.224.756	-	135.772.000.000	123.241.224.756	-
Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3 (**)	23.954.815.068	-	14.787.500.000	23.954.815.068	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>286.193.148.150</b>	<b>-</b>	<b>622.580.820.000</b>	<b>286.193.148.150</b>	<b>-</b>

Thông tin chi tiết về các công ty con này được trình bày tại Thuyết minh số 1.

(\*) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa (tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc ngày có giao dịch gần nhất với ngày kết thúc kỳ kế toán năm) của cổ phiếu của các công ty được niêm yết trên các sàn chứng khoán.

(\*\*) Tổng Công ty không trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3 do Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3 không phát sinh lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của đơn vị này.

# Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCF

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

### 12.2. Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

Chi tiết các công ty liên kết của Tổng Công ty như sau:

Công ty	Số cuối năm			Số đầu năm			Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm (i)	477.969.183.365	-	873.414.976.000	477.969.183.365	-	884.731.346.800	
Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi – Synthelabo Việt Nam (ii)	49.845.436.339	-	(*)	94.544.840.339	-	(*)	
Công ty Cổ phần Dược Danapha (i)	131.058.047.634	-	160.606.843.000	131.058.047.634	-	164.483.559.900	
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25 (i)	44.983.510.213	-	51.408.000.000	44.983.510.213	-	59.724.000.000	
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3 (i)	50.340.601.545	-	310.868.698.500	50.340.601.545	-	178.452.890.000	
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Việt Nam	14.814.901.439	-	(*)	14.814.901.439	-	(*)	
Công ty Cổ phần Dược Davina	4.265.731.893	(4.265.731.893)	(*)	4.265.731.893	(4.211.774.231)	(*)	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>773.277.412.428</b>	<b>(4.265.731.893)</b>	<b>817.976.816.428</b>	<b>817.976.816.428</b>	<b>(4.211.774.231)</b>		

(\*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính tổng hợp do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá ghi sổ.

(i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa (tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc ngày có giao dịch gần nhất với ngày kết thúc kỳ kế toán năm) của cổ phiếu của các công ty được niêm yết trên các sàn chứng khoán.

(ii) Trong năm 2023, Tổng Công ty đã thực hiện ghi giảm giá trị khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi-Synthelabo Việt Nam do nhận được cổ tức từ nguồn lợi nhuận trước ngày Tổng Công ty chính thức chuyển đổi sang công ty cổ phần. Tại ngày của báo cáo tài chính tổng hợp này, Tổng Công ty đang trong quá trình phối hợp với Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi-Synthelabo Việt Nam để thực hiện các thủ tục giải thể và đóng cửa công ty liên kết này theo các quy định hiện hành.



## Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTPC

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 12.2. Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết (tiếp theo)

Chi tiết các công ty liên kết của Tổng Công ty như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ sở hữu và lợi ích	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ sở hữu và lợi ích
Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	Số 4, đường 30/4, phường 1, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất mua bán, xuất nhập khẩu dược phẩm, thiết bị và dụng cụ y tế, nguyên liệu bao bì sản xuất thuốc	22,03%	22,04%	22,03%	22,04%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi – Synthelabo Việt Nam	Số 10 Hàm Nghi, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	29,99%	29,99%	29,99%	29,99%
Công ty Cổ phần Dược Danapha	Số 253 Dững Sĩ Thanh Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	26,45%	26,45%	26,21%	26,45%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25	Số 448B Nguyễn Tất Thành, phường 18, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	28,43%	28,43%	28,43%	28,43%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	Số 16 Lê Đại Hành, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	22,07%	22,07%	22,07%	22,07%
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Việt Nam	Số nhà 138 Giảng Võ, phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội	Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại dược phẩm (nguyên liệu và thành phẩm) và hóa chất	41,15%	41,15%	41,15%	41,15%
Công ty Cổ phần Dược Davina (tên trước đây là Công ty Cổ phần Dược Danapha – Nanosome)	Số 253 Dững Sĩ Thanh Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	25,00%	25,00%	25,00%	25,00%

# Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTPC

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

### 12.3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm				Số đầu năm				Đơn vị tính: VND
	Tỷ lệ góp vốn	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ góp vốn	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
				(*)				(*)	
Công ty Cổ phần Sanofi Việt Nam	15,00%	173.000.000.000	-	(*)	15,00%	173.000.000.000	-	(*)	
Công ty Cổ phần Hòa - Dược phẩm Mekophar (i)	18,23%	197.712.783.695	(77.550.960.695)	120.161.823.000	18,23%	197.712.783.695	(76.153.730.195)	121.559.053.500	
Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (i)	13,40%	139.411.862.876	-	206.063.664.000	13,40%	139.411.862.876	-	236.114.615.000	
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương I – Pharbaco (i)	5,18%	69.305.080.876	(17.642.190.476)	51.662.890.400	5,18%	69.305.080.876	-	79.255.570.500	
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha (i)	14,29%	75.155.455.264	-	102.574.134.000	14,29%	67.082.455.264	-	90.191.475.000	
Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex (i)	10,23%	46.022.915.860	(19.165.754.860)	26.857.161.000	10,23%	46.022.915.860	(13.004.406.160)	33.018.509.700	
Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	9,90%	37.739.465.978	-	(*)	9,90%	37.739.465.978	-	(*)	
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	6,78%	11.861.708.288	(6.028.113.288)	5.833.595.000	6,78%	11.861.708.288	(4.116.693.057)	(*)	
Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex (i)	11,50%	29.455.746.106	-	38.542.500.000	11,50%	29.455.746.106	-	29.977.500.000	
Công ty Cổ phần Bao bì Dược Công ty Cổ phần Dược Medipharco (i)	15,00%	11.370.153.435	-	(*)	15,00%	11.370.153.435	-	(*)	
Công ty Cổ phần Hóa Dược Việt Nam	9,10%	9.231.455.589	(2.039.344.989)	7.192.110.600	9,10%	9.231.455.589	(2.582.145.789)	6.649.309.800	
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	7,76%	5.107.203.820	-	(*)	7,76%	5.107.203.820	-	(*)	
	5,73%	3.466.940.866	-	(*)	5,73%	3.466.940.866	-	(*)	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>808.840.772.653</b>	<b>(122.426.364.308)</b>			<b>800.767.772.653</b>	<b>(95.856.975.201)</b>		





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**12.3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác** (tiếp theo)

- (i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa (tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc ngày có giao dịch gần nhất với ngày kết thúc kỳ kế toán năm) của cổ phiếu của các công ty được niêm yết trên các sàn chứng khoán.
- (\*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính tổng hợp do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

**13.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán	213.567.200	213.567.200	275.044.276	275.044.276
- Công ty TNHH Du lịch và sự kiện Đường Bay Vàng	113.220.000	113.220.000	-	-
- Phải trả đối tượng khác	100.347.200	100.347.200	275.044.276	275.044.276
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	301.403.732	301.403.732	301.403.732	301.403.732
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>514.970.932</b>	<b>514.970.932</b>	<b>576.448.008</b>	<b>576.448.008</b>

**13.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước	3.934.160.000	4.148.140.940
- Công ty TNHH Dược Phẩm HQ	750.000.000	850.000.000
- Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Minh Khang	695.000.000	402.000.000
- Công ty TNHH Dược phẩm Cadila	695.000.000	402.000.000
- Công ty Cổ phần Dược phẩm và Thiết bị y tế Đông Nam Á	579.000.000	-
- Công ty TNHH Dược Tâm Đan	536.000.000	460.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Sông Hồng	-	1.031.615.840
- Người mua trả tiền trước khác	679.160.000	1.002.525.100
Các bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 26)	759.560.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.693.720.000</b>	<b>4.148.140.940</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Đơn vị tính: VND	
	Số phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp trong năm	Số đã khấu trừ trong năm	Số phải thu	Số phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	-	1.267.861.524	(1.189.198.432)	-	7.319.694
Thuế giá trị gia tăng nhập khẩu	-	-	98.047.433	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	(12.656.896)	32.707.420	1.222.340.017	(415.564.435)	(12.656.896)	70.131.493
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.249.745.671)	-	-	-	(1.249.745.671)	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	6.387.012.358	-	-	-
Thuế nhập khẩu	-	-	58.361.566	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	8.498.750	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>(1.262.402.567)</b>	<b>32.707.420</b>	<b>9.042.121.648</b>	<b>(1.604.762.867)</b>	<b>(1.262.402.567)</b>	<b>77.451.187</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí dịch vụ bảo quản hàng	2.352.898.711	1.086.019.355
Chi phí phải trả khác	341.823.351	1.512.627.113
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.694.722.062</u></b>	<b><u>2.598.646.468</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi phí phải trả ngắn hạn khác bên liên quan (Thuyết minh 26)</i>	<i>121.477.441</i>	<i>571.279.355</i>

**16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đối tác trả trước tiền hỗ trợ chi phí thuê đất dự án 95 Láng Hạ	1.000.000.000	1.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	71.723.000	73.433.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	524.962.084	244.675.606
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.596.685.084</u></b>	<b><u>1.318.108.606</u></b>

**17. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	6.656.868.385	6.523.654.853
Trích lập quỹ trong năm (Thuyết minh số 18.1)	3.675.105.774	2.896.054.950
Sử dụng quỹ trong năm	<u>(2.676.264.645)</u>	<u>(2.762.841.418)</u>
Số cuối năm	<u>7.655.709.514</u>	<u>6.656.868.385</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**18.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần đã phát hành	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>				
Số đầu năm	2.370.000.000.000	53.558.962.101	374.783.191.484	2.798.342.153.585
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	27.579.662.892	27.579.662.892
- Chia cổ tức 2020	-	-	(135.090.000.000)	(135.090.000.000)
- Chia cổ tức 2021	-	-	(165.900.000.000)	(165.900.000.000)
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	73.127.323.514	(73.127.323.514)	-
- Tạm trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng cán bộ quản lý	-	-	(2.896.054.950)	(2.896.054.950)
Số cuối năm	<u>2.370.000.000.000</u>	<u>126.686.285.615</u>	<u>25.349.475.912</u>	<u>2.522.035.761.527</u>
<b>Năm nay</b>				
Số đầu năm	2.370.000.000.000	126.686.285.615	25.349.475.912	2.522.035.761.527
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	222.800.078.273	222.800.078.273
- Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	8.273.898.868	(8.273.898.868)	-
- Tạm trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng cán bộ quản lý (**)	-	-	(3.675.105.774)	(3.675.105.774)
Số cuối năm	<u>2.370.000.000.000</u>	<u>134.960.184.483</u>	<u>236.200.549.543</u>	<u>2.741.160.734.026</u>

(\*) Tổng Công ty đã thực hiện trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2022 căn cứ theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên ngày 30 tháng 6 năm 2023.

(\*\*) Tổng Công ty đã thực hiện tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng cán bộ quản lý từ nguồn lợi nhuận năm 2023.

**18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Đơn vị tính: Cổ phiếu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn đầu tư của Nhà nước (*)	154.050.000	154.050.000	-	154.050.000	154.050.000	-
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI	-	-	-	43.000.000	43.000.000	-
Các cổ đông khác	82.950.000	82.950.000	-	39.950.000	39.950.000	-
	<u>237.000.000</u>	<u>237.000.000</u>	<u>-</u>	<u>237.000.000</u>	<u>237.000.000</u>	<u>-</u>

(\*) Theo Văn bản số 471/TTg – ĐMDN ngày 27 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ, quyền đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước tại Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP đã được chuyển giao từ Bộ Y tế sang Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu</b>		
Số đầu năm	2.370.000.000.000	2.370.000.000.000
Tăng trong năm	-	-
Số cuối năm	<u>2.370.000.000.000</u>	<u>2.370.000.000.000</u>
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã công bố</b>		
Cổ tức trả bằng tiền cho năm 2021 (VND 700/cổ phiếu)	-	165.900.000.000
Cổ tức trả bằng tiền cho năm 2020 lần 2 (VND 570/cổ phiếu)	-	135.090.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã trả</b>		
Cổ tức cho năm 2021	-	165.875.640.000
Cổ tức cho năm 2020	1.710.000	135.074.407.000
Cổ tức cho năm 2019	-	3.160.000
Cổ tức cho năm 2018	-	1.020.000

**18.4 Cổ phiếu**

	<i>Đơn vị tính: Cổ phiếu</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>237.000.000</b>	<b>237.000.000</b>
<b>Cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>		
Cổ phiếu phổ thông	237.000.000	237.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	237.000.000	237.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 10.000 VND/cổ phiếu).

**19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
- Đô la Mỹ (USD)	5.570	5.570
- Euro (EUR)	9.319	15.646
- Forint Hungari (FT)	20.000	20.000
- Rúp Nga (RUB)	662.000	662.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. DOANH THU**

**20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>13.443.578.355</b>	<b>18.430.339.895</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	3.487.983.342	3.926.923.683
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	9.955.595.013	14.435.607.993
<i>Doanh thu hợp đồng hợp tác kinh doanh</i>	-	67.808.219
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>13.443.578.355</b>	<b>18.430.339.895</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với các bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>	1.733.198.067	2.349.269.477
<i>Doanh thu với các bên khác</i>	11.710.380.288	16.081.070.418

**20.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi	60.416.027.097	40.945.657.069
Cổ tức, lợi nhuận được chia	232.839.302.900	115.642.906.282
Lãi chênh lệch tỷ giá	23.600.657	-
Doanh thu tài chính khác	746.399.103	16.313.413
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>294.025.329.757</b>	<b>156.604.876.764</b>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.971.037.021	2.706.656.807
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	10.833.206.577	16.092.515.800
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.276.358.308	61.795.942
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>18.080.601.906</b>	<b>18.860.968.549</b>

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	26.623.346.769	91.748.236.149
Lỗ chênh lệch tỷ giá	15.507.050	1.938.660
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>26.638.853.819</b>	<b>91.750.174.809</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân công	2.820.115.677	1.654.511.746
Chi phí khấu hao	86.096.928	86.096.928
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.320.000	103.051.992
Chi phí bán hàng khác	621.705.190	583.312.478
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.576.237.795</b>	<b>2.426.973.144</b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nguyên vật liệu	976.519.473	819.553.592
Chi phí nhân công	13.260.337.708	13.019.703.523
Chi phí khấu hao	2.177.514.215	2.266.392.764
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(3.190.575.458)	(4.718.639.239)
Thuế, phí và lệ phí	2.933.869.027	2.740.821.050
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.517.876.379	14.246.262.376
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	10.756.879.790	6.157.097.070
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>36.432.421.134</b>	<b>34.531.191.136</b>

**24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí mua hàng hóa	2.344.828.251	3.255.400.256
Chi phí nhân công	20.436.875.536	17.268.318.581
Chi phí khấu hao	5.884.556.871	5.971.688.081
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.268.714.433	18.076.618.170
Chi phí khác	20.485.817.789	8.928.400.083
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>64.420.792.880</b>	<b>53.500.425.171</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) của Tổng Công ty là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**25.1 Thuế TNDN hiện hành**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận chịu thuế và lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>222.800.078.273</b>	<b>27.579.662.892</b>
<b>Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán</b>		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế	500.139.668	632.398.835
Thù lao HĐQT và BKS không chuyên trách	408.000.000	468.000.000
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.276.633.320	384.067.303
Các khoản điều chỉnh tăng khác	-	1.938.660
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(232.839.302.900)	(115.642.906.282)
Dự phòng phải thu khó đòi	-	(2.151.677.164)
Các khoản điều chỉnh giảm khác	(11.609.317)	(36.317.227)
<b>Lỗ trước thuế ước tính trong năm</b>	<b>(3.866.060.956)</b>	<b>(88.764.832.983)</b>
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**25.2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

**Lỗi tính thuế chuyển sang từ năm trước**

Tổng Công ty được phép chuyển các khoản lỗi tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗi đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tổng Công ty có các khoản lỗi lũy kế có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

*Đơn vị tính: VND*

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗi đến năm	Lỗi tính thuế	Đã chuyển lỗi đến ngày 31 tháng 12 năm 2023	Không được chuyển lỗi	Chưa chuyển lỗi tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
2019	2024	(20.424.142.871)	11.447.063.481	-	(8.977.079.390)
2020	2025	(30.268.427.182)	-	-	(30.268.427.182)
2022	2027	(88.764.832.983)	-	-	(88.764.832.983)
2023	2028	(3.866.060.956)	-	-	(3.866.060.956)
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>(143.323.463.992)</b>	<b>11.447.063.481</b>	<b>-</b>	<b>(131.876.400.511)</b>

Đây là các khoản lỗi thuế theo tờ khai thuế TNDN của Tổng Công ty và chưa được cơ quan thuế quyết toán vào thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp này.

Tổng Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các lỗi thuế nêu trên do không ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

**Các khoản chênh lệch tạm thời**

Tổng Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản chênh lệch tạm thời sau do không ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này:

*Đơn vị tính: VND*

Dự phòng hàng tồn kho	5.276.633.320
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.276.633.320</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan mà Tổng Công ty có quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể và danh sách nhân viên quản lý chủ chốt tại Tổng Công ty trong năm bao gồm:

<i>STT</i>	<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
1	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà Nước	Cổ đông lớn
2	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Công ty con
3	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Công ty con
4	Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3	Công ty con
5	Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	Công ty liên kết
6	Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi – Synthelabo Việt Nam	Công ty liên kết
7	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Công ty liên kết
8	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25	Công ty liên kết
9	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3	Công ty liên kết
10	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Việt Nam	Công ty liên kết
11	Công ty Cổ phần Dược Davina (tên trước đây là Công ty Cổ phần Dược Danapha – Nanosome)	Công ty liên kết
12	Ông Lê Văn Sơn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) đến ngày 30 tháng 6 năm 2023
13	Ông Đinh Xuân Hân	Chủ tịch HĐQT từ ngày 30 tháng 6 năm 2023/ Tổng Giám đốc đến ngày 30 tháng 6 năm 2023
14	Ông Trần Đức Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT từ ngày 30 tháng 6 năm 2023
15	Bà Hàn Thị Khánh Vinh	Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc từ ngày 30 tháng 6 năm 2023/ Phó Tổng Giám đốc đến ngày 30 tháng 6 năm 2023
16	Bà Phạm Thị Xuân Hương	Thành viên HĐQT
17	Bà Nguyễn Hồng Nhung	Thành viên HĐQT
18	Ông Trần Văn Hải	Thành viên HĐQT từ ngày 30 tháng 6 năm 2023/Thành viên Ban Kiểm soát (“BKS”) đến ngày 30 tháng 6 năm 2023
19	Ông Nguyễn Văn Khái	Trưởng BKS
20	Bà Ngô Thị Bích Thảo	Thành viên BKS
21	Bà Hoàng Diệu Linh	Thành viên BKS từ ngày 30 tháng 6 năm 2023
22	Bà Kiều Thị Minh Hồng	Thành viên BKS từ ngày 30 tháng 6 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Những giao dịch trọng yếu của Tổng Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

*Đơn vị tính: VND*

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Cổ tức được chia	20.582.325.000	24.698.790.000
	Phí dịch vụ bảo quản hàng	218.534.795	250.940.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Cổ tức được chia	8.485.750.000	8.485.750.000
	Phí dịch vụ bảo quản hàng	-	67.876.700
Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3	Cổ tức được chia	227.500.000	-
	Cung cấp dịch vụ	123.708.553	124.513.149
	Doanh thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	67.808.219
	Lãi trả chậm	-	13.808.218
Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi-Synthelabo	Cổ tức được chia	44.699.404.000	89.998.800.000
Công ty Cổ phần Dược Danapha	Cổ tức được chia	3.876.716.900	6.645.800.400
	Doanh thu dịch vụ kiểm nghiệm	-	1.515.523.809
	Doanh thu sử dụng nhãn hiệu	55.914.776	573.341.366
	Phạt chậm thanh toán	927.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	Cổ tức được chia	15.187.480.000	11.390.610.000
	Doanh thu sử dụng nhãn hiệu	7.610.356	68.082.934
	Mua hàng hóa	-	11.484.000
	Phạt chậm thanh toán	163.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	Cổ tức được chia	14.696.534.000	22.044.801.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Việt Nam	Doanh thu bán hàng hóa	1.545.964.382	-
	Cổ tức được chia	1.485.000.000	1.485.000.000
	Phí dịch vụ bảo quản hàng	12.573.290	62.637.677

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:*

Tổng Công ty bán hàng, cũng như mua hàng hóa, dịch vụ và nhận lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Tổng Công ty cũng ghi nhận doanh thu sử dụng quyền nhãn hiệu “Cao sao vàng” từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty không trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Tổng Công ty (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)</i></b>			
Công ty Cổ phần Dược Danapha	Phải thu dịch vụ kiểm nghiệm	-	343.440.000
Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3	Phải thu cho thuê nhà	751.655	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>751.655</b>	<b>343.440.000</b>
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 13.1)</i></b>			
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Phải trả phí dịch vụ bảo quản hàng	301.403.732	301.403.732
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>301.403.732</b>	<b>301.403.732</b>
<b><i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 13.2)</i></b>			
Công ty Cổ phần Dược Danapha	Ứng trước tiền cho dịch vụ kiểm nghiệm	759.560.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>759.560.000</b>	<b>-</b>
<b><i>Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn (Chỉ tiêu số 318)</i></b>			
Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	Ứng trước tiền cho dịch vụ kiểm nghiệm	851.619.048	851.619.04
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>851.619.048</b>	<b>851.619.048</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

*Đơn vị tính: VND*

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b><i>Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh số 15)</i></b>			
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phải trả phí dịch vụ bảo quản hàng	48.243.600	571.279.355
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Phải trả phí dịch vụ bảo quản hàng	70.922.990	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Việt Nam	Phải trả phí dịch vụ bảo quản hàng	2.310.851	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>121.477.441</b>	<b>571.279.355</b>

***Các giao dịch với các bên liên quan khác***

Thù lao của HĐQT, lương Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm:

*Đơn vị tính: VND*

<i>Tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Lương, thù lao</i>	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Ông Lê Văn Sơn	Chủ tịch HĐQT đến ngày 30 tháng 6 năm 2023	90.000.000	240.000.000
Ông Đinh Xuân Hân	Chủ tịch HĐQT từ ngày 30 tháng 6 năm 2023	996.000.000	866.000.000
Ông Trần Đức Hùng	Phó chủ tịch HĐQT từ ngày 30 tháng 6 năm 2023	60.000.000	-
Bà Hàn Thị Khánh Vinh	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc từ ngày 30 tháng 6 năm 2023	912.000.000	804.000.000
Bà Nguyễn Hồng Nhung	Thành viên HĐQT	687.312.500	574.000.000
Bà Phạm Thị Xuân Hương	Thành viên HĐQT	108.000.000	96.000.000
Ông Trần Văn Hải	Thành viên HĐQT từ ngày 30 tháng 6 năm 2023;	60.000.000	-
	Thành viên BKS đến ngày 30 tháng 6 năm 2023		
Ông Trần Anh Tuấn	Kế toán trưởng đến ngày 15 tháng 8 năm 2022	-	357.000.000
Bà Lữ Thị Khánh Trân	Kế toán trưởng từ ngày 24 tháng 4 năm 2023	476.878.977	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>3.390.191.477</b>	<b>2.937.000.000</b>

Tổng Công ty trình bày lại thuyết minh dữ liệu tương ứng của năm 2022 cho phù hợp với cách thức tổng hợp thông tin của năm hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

*Các giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)*

Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát	726.000.000	708.000.000

**27. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

***Cam kết thuê hoạt động***

Tổng Công ty hiện đang thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	6.300.191.036	6.148.033.776
Trên 1 – 5 năm	25.200.764.144	24.592.135.104
Trên 5 năm	196.325.329.451	194.217.011.323
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>227.826.284.631</u></b>	<b><u>224.957.180.203</u></b>

***Cam kết cho thuê hoạt động***

Tổng Công ty hiện đang cho thuê địa điểm kinh doanh theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	2.716.729.256	2.899.880.439
Trên 1 – 5 năm	2.845.607.994	4.904.277.010
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.562.337.250</u></b>	<b><u>7.804.157.449</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty.



Nguyễn Thị Hằng  
Người lập



Lữ Thị Khánh Trân  
Kế toán trưởng



Hà Thị Khánh Vinh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2024